

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/05/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP01+GTC1+RC4	7:25	22+0+0	0+0+0		17+2+3	0+0+0	
2		TGTH5+P6+VSP01	7:25	6+9+7	0+0+0		3+4+15	0+0+0	
3		TD1+CLO	7:25	16+6	0+0		10+12	0+0	
4		TTC2+BK3+P6	9:25	5+0+16	0+0+0		2+0+20	0+0+0	chuyen 3 ttc2-bk3
5		CLO+AMD+TGTH5	9:25	10+12+0	0+0+0		6+13+3	0+0+0	
6		P8+TTC1+TTC2	9:25	17+5+0	0+0+0		9+10+3	0+0+0	
7		BK5+P1+AMD	11:25	4+0+18	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
8		TD1+P8	11:25	11+11	0+0		9+13	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
l/đi về trong ngày tđl- 6ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: VSP01 - GTC1 - RC4	CREW: Hạnh - ĐNam - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARPENKO	VSP01	74-75	2	16	35	85	KH-THAC	Russian
2	TRUONG HIEN	VSP01	85	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN BAC	VSP01	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRUONG THANH PHU	VSP01					74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DUY PHUC	VSP01	86	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
6	GURIN V.V.	VSP01	72-73	2	10		98	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN NGOC LAN	VSP01	76	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN DUY BINH	VSP01	91	1	3		94	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DUC THONG	VSP01	80-81	2	12		90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG LONG	VSP01	89	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN MIT	VSP01	84	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC BE	VSP01	79	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH VAN THON	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO XUAN DUC	VSP01	87	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	82	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN XUAN THUY	VSP01					82	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN BA NGOC	VSP01	88	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN ANH THANG	VSP01	78	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
20	DOAN VIET DANG	VSP01	77	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN ANH TUAN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM HUY BINH	VSP01	83	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	22	20	123	1.653	35	17		
2	GTC1	0	0	0	0	0	2		
3	RC4	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	20	123	1.653	35	22		
WEIGHT KG				123	1.653	35			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TGTH5 - P6 - VSP01	CREW: TUYỀN - MTHAO - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGO SY DUC	TGTH5	70	1	15		80	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN TRUNG HIEU	TGTH5	68-69	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VAN HUONG	TGTH5	73	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DINH	TGTH5	72	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TRUNG	TGTH5	71	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG MINH HAI	TGTH5	66-67	2	14	27	78	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN QUY	P6					66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGO HOAN	P6	14	1	7		70	YTE	Vietnamese
9	VU VAN TIEN	P6	20-21	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN PHU	P6	24	1	4	30	65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN BAC	P6	15	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUY HUNG	P6	18	1	15		59	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN CU	P6	16	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
14	GOLOVIN	P6	19	1	8		108	KH-THAC	Russian
15	VU DINH SY	P6	22-23	2	18	9	65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN THUY	VSP01	47	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG NAM	VSP01	48	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN CONG QUAN	VSP01	45	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUY THONG	VSP01	42	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN TOAN	VSP01	43	1	5	13	78	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN TRUONG	VSP01	46	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
22	VU QUANG THANH	VSP01	44	1	5		67	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	6	8	62	440	27	3		
2	P6	9	10	77	608	39	4		
3	VSP01	7	7	36	479	13	15		
TOTAL		22	25	175	1.527	79	22		
WEIGHT KG				175	1.527	79			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT:	TO: TD1 - CLO	CREW: HUNG - VLin - QTruong	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ROZGON A.	TD1	83	1	3		96	D-HANH	Russian
2	LE NHAT TUAN	TD1					70	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN DANG NGOC NAM	TD1					82	D-HANH	Vietnamese
4	RAHMATULLIN RINAT	TD1	93	1	13		78	KHOAN	Russian
5	PHAM XUAN HIEU	TD1	500	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
6	STESHIN V.B	TD1	91	1	13		160	KHOAN	Russian
7	SHERBAKOV M.	TD1	86	1	3		98	KHOAN	Russian
8	NGUYEN MANH TUNG	TD1	84	1	6		50	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TUNG	TD1	90	1	10		72	SHINTRAC	Vietnamese
10	PHAM CONG TIEN	TD1					69	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN VIET HUNG	TD1	85	1	5	20	72	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN NGUYEN	TD1	97	1	2		54	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN MINH SON	TD1	81-82	2	11		74	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TIEN	TD1	88	1	3		85	KHOAN	Vietnamese
15	MAI XUAN TUNG	TD1	89	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
16	MAI ANH TUAN	TD1	92	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	VOROBIEV S.L	CLO	08	1	5		97	KHOAN	Russian
18	BUI DUC LUAN	CLO	07	1	5	25	78	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG VAN TRUNG	CLO	11	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
20	VU MINH TU	CLO	09	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM VAN DUOC	CLO	12	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN QUANG HUY	CLO	10	1	6		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	16	14	80	1.275	20	10		
2	CLO	6	6	28	457	25	12		
TOTAL		22	20	108	1.732	45	22		
WEIGHT KG				108	1.732	45			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	TO: TTC2 - BK3 - P6	CREW: Hạnh - ĐNam - Toan	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG QUỐC BẢO	TTC2				35	65	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN THỰC	TTC2	93	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	94-95	2	8		80	KH-THAC	Vietnamese
4	TẠ MẠNH HÙNG	TTC2	96	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	18	1	4		75	PSV	Vietnamese
6	ĐÌNH HOÀI NAM	P6	45	1	15		85	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG TUẤN	P6	37	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	MAI MẠNH KHANH CUÔNG	P6	46	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6	44	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
10	BẠCH ANH TUẤN	P6	33-34	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NINH QUỐC HỘI	P6	41	1	17		80	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM VĂN KHUÔNG	P6	30-31	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐỨC DUNG	P6	32	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ VĂN SÁNG	P6	43	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC AN	P6	40	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THIN	P6	29	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG	P6	42	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG THAI SƠN	P6	39	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN HUY THÔNG	P6	38	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO MINH HOÀNG	P6	28	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM HOÀNG TÙNG	P6	35-36	2	13		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	5	5	24	342	35	2	3	CHUYEN 3 TTC2 SANG BK3
2	BK3	0	0	0	0	15	0		
3	P6	16	19	150	1.154	0	20		
	TOTAL	21	24	174	1.496	50	22		
	WEIGHT KG			174	1.496	50			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	TO: CLO - AMD - TGTH5	CREW: TUYỀN - MTHAO - Huy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG DAI NGHIA-PVD	CLO					75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DUC-PVD	CLO	91	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	CAO VAN VIET	CLO	92	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
4	DO HUY BINH	CLO	93	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TRUONG SON	CLO	98	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
6	VU THE NANG	CLO	01	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
7	NGHIEM XUAN VIET	CLO	03-04	2	14		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VIET CHINH	CLO	94-95	2	15		61	THUAN TI	Vietnamese
9	LE VAN QUANG	CLO	96-97	2	18		66	THUAN TI	Vietnamese
10	VOEVODCHENKOV NIKOLAI	CLO	02	1	3		95	KH-THAC	Russian
11	TRAN DAI NGHIA	AMD	77-78	2	13	15	74	HLJOC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN AN	AMD	72	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TAN	AMD	71	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
14	LE DUC TAM	AMD	73	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TAN	AMD	64	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN DINH HIEU	AMD	62	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN LE HOA	AMD	74	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI TRAN LIEM	AMD	69-70	2	6		65	KH-THAC	Vietnamese
19	VU NGOC DUONG	AMD	76	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG HO NGHIA	AMD	75	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
21	VU XUAN DUC	AMD	65,68	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	10	12	75	705	0	6		
2	AMD	11	14	81	764	15	13		
3	TGTH5	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	26	156	1.469	15	22		
WEIGHT KG				156	1.469	15			

GRAND TOAL: 1.640 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT:	TO: P8 - TTC1 - TTC2	CREW: HÙNG - VLinH - QTrưởng	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG TRUNG	P8	33	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN NHÂN	P8	25	1	5		74	YTE	Vietnamese
3	HUYNH CHANH PHAT	P8	28	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LUONG VAN QUYET	P8	29	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN TÂN	P8	18	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC TIỀN	P8	24	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	P8	30	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN LỢI	P8	20-21	2	18		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	27	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUANG HIỂN	P8					75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	19	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	34	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG TIỀN	P8	23	1	15		64	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THANH HOÀNG	P8	31	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH VINH	P8	26	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TRUNG	P8	32	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU HẬU	TTC1	79	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ THANH ĐO	TTC1	80	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	63	1	3	50	65	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	64	1	8		89	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỒNG VĂN CƯỜNG	TTC1	62	1	10		55	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	17	17	115	1.158	0	9		
2	TTC1	5	5	34	352	50	10		
3	TTC2	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	22	149	1.510	50	22		
WEIGHT KG				149	1.510	50			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	TO: BK5 - P1 - AMD	CREW: Hạnh - NPhú - Vũ	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH HẢI	BK5	07	1	11		64	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN SÁCH ĐƠN	BK5	05	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN CHUÔNG	BK5	09	1	15		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	BK5	08	1	8	15	77	PSV	Vietnamese
5	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	99	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC THU	AMD	91	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN THANH NGOAN	AMD	92-93	2	13		89	KH-THAC	Vietnamese
8	VI TRẦN TÂN THUẬN	AMD	97-98	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	99	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG LINH	AMD	90	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
11	VÔ VĂN KHÔI	AMD	81-82	2	11	27	68	HA VIET	Vietnamese
12	TRẦN VIỆT TUNG	AMD	90-91	2	10		57	HA VIET	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HIẾU	AMD	94-95	2	11		54	HA VIET	Vietnamese
14	THAI PHÁT	AMD	83-84	2	16		81	HA VIET	Vietnamese
15	MAI VĂN MINH	AMD	89	1	8		50	HA VIET	Vietnamese
16	NGÔ VĂN QUANG	AMD	84	1	10		67	HA VIET	Vietnamese
17	TRẦN MINH CUÔNG	AMD	96	1	8		68	HA VIET	Vietnamese
18	TRƯƠNG CÔNG ĐẠI	AMD	87-88	2	10		53	HA VIET	Vietnamese
19	LÊ ĐỨC OANH	AMD	85-86	2	7		64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TUẤN	AMD	01,700	2	13		74	PVGAS	Vietnamese
21	TRẦN QUYẾT TIẾN	AMD	89	1	6		67	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	4	4	44	264	15	0		
2	P1	0	0	0	0	0	2		
3	AMD	17	26	154	1.145	27	20		
TOTAL		21	30	198	1.409	42	22		
WEIGHT KG				198	1.409	42			

GRAND TOAL: 1.649 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:35
FLIGHT:	TO: TD1 - P8	CREW: TTrung - Duong - NNam	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MẠNH HAI	TD1	72	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
2	TRINH CAO TRONG	TD1	74	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN NGOC TIEN	TD1	73	1	8		60	DVL	Vietnamese
4	LUONG NGOC HOANG	TD1	69	1	7		74	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN VU QUOC	TD1	68	1	11		64	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN HUNG DUNG	TD1	800	1	11		77	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN VAN THU	TD1	99	1	13		66	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN HUU HA	TD1	97-98	2	17		71	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN HUU VIET	TD1	95-96	2	20		64	DVL	Vietnamese
10	VU DINH THU	TD1	70-71	2	17		68	YTE	Vietnamese
11	LE XUAN TINH	TD1	67	1	3		70	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VIET HOA	P8	43	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	LE TUAN ANH	P8	44	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN ANH DUC	P8	42	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN QUANG	P8	45	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG TRUNG HAU	P8	41	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM THE QUANG	P8	35	1	14		86	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN DONG	P8	36	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN LE CHIEN	P8	39-40	2	16		84	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN GIA CUONG	P8	47	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
21	DUONG PHAT	P8	37	1	14		77	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN PHE	P8	38	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	11	14	115	764	0	9		
2	P8	11	12	104	783	0	13		
	TOTAL	22	26	219	1.547	0	22		
	WEIGHT KG			219	1.547	0			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN